

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2022 ĐỢT 1

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã tổ hợp
1	31011111	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	23/10/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	100	M05
2	31001594	NGÔ THỊ HOÀI AN	17/03/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	100	M05
3	31006116	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	08/09/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	100	M07
4	31010370	TRẦN THỊ TRÀ MY	22/11/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	100	M07
5	31000973	TRẦN THỊ NHON	29/01/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	100	M07
6	31004837	NGUYỄN NGỌC ANH	21/10/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	100	M07
7	31010986	TRẦN THỊ THỦY HẰNG	13/09/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	100	M07
8	31002226	PHẠM NỮ NGỌC ANH	11/05/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	100	M14
9	31007615	VÕ PHAN QUỲNH NHƯ	04/07/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	200	M14
10	31002243	CAO TIẾN DŨNG	16/10/2004	Nam	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	A00
11	01082091	BẠCH THỊ PHƯƠNG	09/08/2003	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	A00
12	31002992	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	26/11/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
13	31000109	CAO NGUYỄN KHÁNH LINH	20/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
14	31000131	ĐINH THỊ KHÁNH LY	10/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
15	28000008	PHẠM HÀ AN	06/01/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
16	31009045	NGUYỄN THU TRANG	09/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
17	31005579	HOÀNG THỊ HỒNG VƯỢNG	12/01/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
18	31002949	NGUYỄN MAI TÙNG LÂM	21/11/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
19	31006189	HỒ THỊ GIANG	20/04/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
20	31000114	ĐINH NỮ THỦY LINH	10/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
21	31000736	TRỊNH HÀ TÌNH	20/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
22	31002491	TRẦN THỊ THỦY NGÂN	02/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
23	31006146	NGUYỄN THỊ KIM CHI	18/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
24	31001659	TRỊNH THỊ ĐIỂM	15/03/2003	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
25	31001926	ĐẬU LÊ PHƯƠNG NHI	25/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
26	31008837	LÊ HOÀNG THANH LAM	29/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
27	31007561	NGUYỄN THỊ BÍCH NGÂN	18/11/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
28	28014448	PHẠM THỊ HẠNH	07/03/2003	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
29	31002521	TRẦN NGUYỄN KHÁNH NHI	30/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
30	31002500	ĐOÀN THỊ MINH NGUYỆT	19/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C00
31	31009049	PHAN THỊ THỦY TRANG	25/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	D01
32	31005536	NGUYỄN THỦY TRANG	13/12/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	D01
33	31010901	TRẦN THỊ THỦY TRANG	02/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
34	31000902	CAO THỊ NGỌC LAN	22/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
35	31001773	TRẦN THỊ DIỆU HUYỀN	20/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
36	31000113	ĐINH NỮ KHÁNH LINH	09/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
37	31000156	CAO THỊ THANH NHÂN	10/11/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
38	31002363	NGUYỄN THỊ HỒNG	30/04/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
39	28008812	LÊ THỊ NGỌC ANH	11/02/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
40	31000578	ĐINH THỊ KHÁNH LINH	01/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
41	31001832	TRẦN THỊ LINH	07/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
42	32000795	NGUYỄN THỊ AI VÂN	19/05/2001	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
43	31006259	PHAN KHÁNH HUYỀN	01/12/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
44	31000907	TRẦN QUỲNH LIÊN	26/02/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
45	31007565	BÙI NHƯ NGỌC	26/05/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	C14
46	31010776	TRẦN PHƯƠNG NHUNG	07/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	A00
47	31000510	PHAN HƯƠNG GIANG	02/05/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	A00
48	31004145	HOÀNG THỊ SÔNG HƯƠNG	02/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	A00
49	31006218	NGUYỄN THU HIỀN	25/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	A00
50	31004858	NGUYỄN THỊ THÚY ĐIỂM	18/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	A00
51	31001727	NGUYỄN PHƯƠNG HOÀI	18/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	A00
52		NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	25/01/2000	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	A00
53	31006356	NGUYỄN DƯƠNG TÚ NGỌC	30/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
54	31001581	TRẦN HOÀNG ANH	07/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

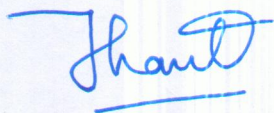
STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã tổ hợp
55	31008783	LÊ THỊ MINH HIỀN	05/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
56	31001212	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	06/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
57	31006818	DƯƠNG HÀ LINH	23/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
58	31009901	CHÂU THỊ THU HUỆ	14/12/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
59	31007190	BÙI THU UYÊN	28/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
60	31000385	ĐINH KHÁNH HUYỀN	01/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
61	29002662	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	13/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
62	31010601	ĐINH THỊ THU HÀ	20/01/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
63	31010091	MAI THỊ PHƯƠNG THANH	14/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
64	31002260	MAI THỊ MỸ DUYÊN	21/12/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
65	31008848	HÀ KHÁNH LINH	26/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
66	31006202	NGUYỄN THỊ THANH HẠ	13/05/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
67	31006294	ĐẶNG KHÁNH LINH	16/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
68	31008882	NGUYỄN THỊ HỒNG LY	16/01/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
69	31000413	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	15/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C00
70	31001179	TRẦN THỊ THÚY HẰNG	17/04/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C14
71	31008635	HỒ THỊ ANH THU	27/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	C14
72	31000147	TRẦN THỊ HIẾU NGHĨA	21/04/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	D01
73	31007878	VÕ BẠCH DƯƠNG	22/11/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	D01
74	31010298	VÕ DƯƠNG HÒA	05/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	D01
75	31009600	LÊ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	15/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	D01
76	31009310	LÊ NGỌC ĐẠT	04/12/2004	Nam	7140209	Sư phạm Toán học	100	A00
77	31006501	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	06/08/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	100	A00
78	31009265	LÊ THỊ LAN ANH	18/01/2003	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	100	A00
79	31001715	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	18/03/2004	Nam	7140209	Sư phạm Toán học	100	A00
80	31006323	TRẦN KHÁNH LY	10/07/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	100	A00
81	31000689	HÀ THỊ TÚ QUYÊN	15/09/2003	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	100	A00
82	31007148	NGUYỄN VÕ NHƯ TRANG	16/10/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	200	A00
83	31008065	LÊ THỊ MỸ LINH	30/07/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	200	A00
84		LÊ TIẾN DŨNG	29/07/2003	Nam	7140209	Sư phạm Toán học	200	A00
85	31000657	LÊ THỊ TUYẾT NHI	19/05/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	200	D07
86	31000773	TRẦN CAO THẢO VY	20/08/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	200	D07
87	31000746	NGUYỄN NỮ MAI TRANG	15/05/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	200	D07
88	31005089	HOÀNG THỊ CẨM SƯƠNG	25/01/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	200	A02
89	31000683	NGUYỄN HẢI QUÂN	28/01/2004	Nam	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C00
90	31008806	HÀ QUANG HÙNG	23/08/2004	Nam	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C00
91	44002522	NGUYỄN TRẦN MỸ TÂM	28/10/2003	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C00
92	31003817	PHAN TIẾN HUNG	05/10/2004	Nam	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C19
93	31009031	HOÀNG MINH TIẾN	29/05/2004	Nam	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C19
94	31005358	NGUYỄN THỊ LÃNH	18/10/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C19
95	31000629	CAO LÊ NA	13/03/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C19
96	31000580	ĐINH THỊ THÚY LINH	12/05/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C20
97	31008552	LÊ THỊ NGỌC NHUNG	10/08/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C20
98	31000091	ĐINH THỊ THANH HUYỀN	23/04/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C20
99	29005347	VÕ THỊ KHÁNH LINH	28/03/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C20
100	31001835	TRẦN THỊ THUỶ LINH	22/07/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C20
101	40006203	H - LI - RA NIÊ	03/02/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C20
102	31000743	HOÀNG THỊ TRANG	06/06/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C20
103	40006178	H KIỀU NIÊ	07/12/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	C20
104	31003142	TRƯƠNG CHÂU SƠN	30/03/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	D09
105	31005287	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	21/02/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	D14
106	31005487	TRẦN THỊ MỸ TÂM	26/03/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	D15
107	31008484	VÕ MINH XUÂN HƯỚNG	23/11/2004	Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	D15
108		NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	20/08/2002	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	D15
109	31008774	PHAN THỊ HỒNG HẠNH	09/03/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	D01
110	31007573	TRẦN PHƯƠNG NGỌC	11/07/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	D01
111	31003318	NGUYỄN NGUYỄN ANH	03/11/2004	Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	D01
112		NGUYỄN HOÀNG THÁI	02/01/1996	Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	D01
113	31000129	ĐINH NỮ CẨM LY	19/05/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	D09

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã tổ hợp
114	31001589	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	05/06/2003	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	D01
115	32000529	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	31/10/2003	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	D01
116	31002506	NGUYỄN THỊ HƯƠNG NGUYỄN	24/03/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	D14
117	31006491	PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	16/07/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	D14
118	31008927	LÊ HỒNG NHUNG	05/08/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	D15
119	31000157	THÁI THỊ NHÂN	01/01/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	D15
120	31000159	ĐÌNH THỊ NGỌC NHI	20/01/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	D15
121	31000187	ĐÌNH THỊ NHƯ QUỲNH	09/04/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	D15
122	31010376	TRẦN THỊ NGUYỆT NGÀ	15/11/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	D15
123	31001921	HOÀNG VIỆT NHẬT	31/08/2004	Nam	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	D01
124		ĐÀM VĂN CƯỜNG	12/03/2002	Nam	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	D01
125	31000223	ĐÌNH THỊ QUỲNH TRANG	01/04/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	D09
126	31001162	PHẠM THỊ THU HÀ	19/05/2004	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	100	D01
127	31001206	THÁI XUÂN HÙNG	17/08/2004	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	100	D01
128	31005038	TRẦN THẾ NGUYỄN	01/10/2004	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	100	D01
129	31008063	LÊ NHẬT LINH	14/05/2004	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	200	A00
130	31011132	HOÀNG VĂN TUÂN	01/08/2004	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	200	C02
131	31000997	TRẦN ANH QUÂN	14/01/2004	Nam	7340301	Kế toán	100	A00
132	31002071	PHAN THỊ THẨM	04/08/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
133	31000250	ĐÌNH THỊ HẢI YẾN	12/03/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
134	31007590	LÊ HOÀNG YẾN NHI	05/04/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
135	31008329	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	16/10/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
136	31008631	NGUYỄN NGỌC THỦY	14/02/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
137	31004825	LƯU THỊ MAI ANH	14/11/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
138	31006130	TRẦN THỊ NGỌC ANH	08/08/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
139	31001593	TRẦN TRẦN NGỌC ÁNH	26/12/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
140	31005188	LÊ KHÁNH VY	09/08/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
141	31008814	NGUYỄN THỊ HUYỀN	05/01/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
142	31003889	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	05/10/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
143	31007685	DƯƠNG ĐOÀN BÍCH THANH	09/09/2004	Nữ	7340301	Kế toán	100	D01
144	31006215	ĐẶNG THỊ HIỀN	05/01/2004	Nữ	7340301	Kế toán	200	A00
145	31007586	ĐẶNG PHẠM YẾN NHI	13/12/2004	Nữ	7340301	Kế toán	200	A00
146	31005805	PHAN THỊ THANH NHÂN	28/09/2004	Nữ	7340301	Kế toán	200	A00
147	31008139	TRƯƠNG ĐÌNH NGHĨA	04/01/2003	Nam	7340301	Kế toán	200	A00
148		NGUYỄN THỊ THU HẰNG	07/08/2003	Nữ	7340301	Kế toán	200	A00
149	31006489	ĐẶNG THỊ HOÀI THƯƠNG	14/03/2004	Nữ	7340301	Kế toán	200	C02
150	31008918	NGUYỄN NGỌC LINH NHI	29/04/2004	Nữ	7340301	Kế toán	200	D01
151	31007935	NGUYỄN LỆ HẰNG	02/06/2004	Nữ	7340301	Kế toán	200	D01
152		LÊ HÀ MY	01/08/2003	Nữ	7340301	Kế toán	200	D01
153		PHẠM THỊ TÚ LIÊN	09/08/2001	Nữ	7340301	Kế toán	200	D01
154		NGUYỄN THỊ THẨM	26/01/1999	Nữ	7340301	Kế toán	200	D01
155	31001962	ĐẬU TRỌNG PHÚ	26/04/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	100	A00
156	31004987	CAO VIỆT TUÂN LINH	03/09/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	100	A00
157	31009744	NGUYỄN HOÀNG VŨ	18/02/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	100	A00
158	31000227	CAO THANH TÚ	12/06/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	100	D01
159	31008705	TRẦN VĂN BẢO	27/11/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	100	D01
160	31000399	ĐÌNH CAO LĨNH	02/01/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	200	A00
161	31008190	ĐỖ NGUYỄN PHONG	19/07/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	200	D01
162		VÕ TRẦN MINH HIẾU	31/05/1999	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	200	A02
163	31000538	MAI VIỆT HOÀNG	06/01/2004	Nam	7620101	Nông nghiệp	100	A09
164	31006470	HỒ VĂN THÔNG	15/03/2002	Nam	7620101	Nông nghiệp	100	A09
165	31006280	HỒ THỊ KIỀU	23/11/2004	Nữ	7620101	Nông nghiệp	200	A00
166	31006148	HỒ VĂN CHỎI	10/02/2004	Nam	7620101	Nông nghiệp	200	A00
167	31006106	LÊ QUANG TÙNG	25/04/2004	Nam	7620101	Nông nghiệp	200	A00
168	31000560	ĐÌNH THỊ THANH HUYỀN	21/09/2004	Nữ	7620101	Nông nghiệp	200	A09
169	31010937	LÊ QUANG VINH	02/12/2004	Nam	7620101	Nông nghiệp	200	C13
170	31001360	NGUYỄN THU TRANG	13/09/2004	Nữ	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	C03
171	31003770	CAO THỊ HÀ	25/06/2004	Nữ	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	C04
172		TRẦN THỊ HỒNG THƠM	13/04/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	200	A00

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTXT	Mã tổ hợp
173		TRƯƠNG MẠNH QUYỀN	24/10/2003	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	200	B03
174	31006251	HỒ HUY	22/12/2004	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	200	C04
175		PHẠM TUẤN NGHĨA	03/02/2003	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	200	D01

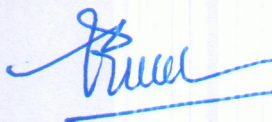
Danh sách gồm 175 thí sinh trúng tuyển

NGƯỜI LẬP



ThS. Nguyễn Ngọc Thành

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



TS. Trương Thị Tư

